TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 01/2024/KDTM-GĐT
Ngày 27-01-2024
Vụ án: "Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu hóa lỏng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Chí Công** và ông **Nguyễn Văn Tào.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27-01-2024, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại "Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu hóa lỏng", giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần K**.

Địa chỉ: Số A L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền:

1.1. Ông **Nguyễn Văn B** - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần K - Chi nhánh M; địa chỉ: Khu Công nghiệp P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Bà **Nguyễn Thị H**; địa chỉ cư trú: Số E H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần G1**.

Địa chỉ: Lô F, KCN Điện Nam - Đ, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Người đại diện theo ủy quyền:

2.1. Ông **Nguyễn Văn T** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần G1; địa chỉ: Lô F, Khu Công nghiệp Đ, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

2.2. Bà **Ngô Thị S** - Chức vụ: Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần G1; địa chỉ: Lô F, KCN Đ - Đ, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần G1:

Luật sư **Trần Minh T1** - Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ.

NHẬN THẤY:

Nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần K - Chi nhánh M (sau đây viết tắt là Công ty K) và Công ty Cổ phần G1 (sau đây viết tắt là Công ty G1) có mối quan hệ kinh doanh kéo dài từ năm 2001 đến năm 2021 và ký hợp đồng theo từng đợt. Bên Công ty G1 sẽ nhận làm đại lý cho Công ty K trong lĩnh vực bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng. Hợp đồng sau cùng được 02 Công ty ký kết là ngày 01-4- 2019. Theo đó, Công ty G1, do ông Nguyễn Tiến L - Chức vụ Tổng Giám đốc làm đại diện ký kết Hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng số 11/2019/CNMTr-MIENTRUNG/B2-A (sau đây viết tắt là Hợp đồng) với Công ty K, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01-4-2019 và có giá trị đến hết ngày 31-3-2021. Nội dung thể hiện: Công ty G1 là Đại lý bao tiêu, tiêu thụ khí dầu mỏ hóa lỏng đóng bình 12 kg và bình 45 kg thông qua các đại lý, chi nhánh hoặc cửa hàng trực thuộc mạng lưới tiêu thụ của Công ty K tại tỉnh Quảng Nam theo quy định tại các điều khoản của hợp đồng. Đến cuối năm 2020, Công ty G1 không tiếp tục lấy hàng, nên 02 bên tiến hành đối chiếu công nợ vào ngày 31-12-2020, nội dung xác nhận công nợ vỏ bình như sau: Tổng số lượng bình Công ty G1 còn nợ của Công ty K là 53.981 vỏ bình 12 kg và 1.000 vỏ bình 45 kg. Tiền thế chân đối với vỏ bình 12 kg mà Công ty K còn giữ của Công ty G1 là 9.437.500.000 đồng.

Sau khi ký Biên bản đối chiếu công nợ, Công ty K nhiều lần gửi công văn yêu cầu thanh toán công nợ vỏ bình, nhưng Công ty G1 không thực hiện đúng cam kết thanh toán nợ vỏ bình như đã thỏa thuận theo Điều 4 của Hợp đồng và bản đối chiếu công nợ vỏ bình ngày 31-12-2020. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vỏ bình Gas của Công ty G1 làm ảnh hưởng rất nhiều đến quyền lợi và gây thiệt hại nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty K. Vì vậy, Công ty K khởi kiện yêu cầu giải quyết:

1. Tuyên Công ty G1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán số lượng bình 12 kg và bình 45 kg đã mượn theo Điều 4 của Hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng số 1l/2019/CNMTr-MIENTRUNG/B2-A ngày 01-4-2019.

2. Buộc Công ty G1 phải trả cho Công ty K số lượng vỏ bình còn nợ là 53.981 vỏ bình 12 kg và 1.000 vỏ bình 45 kg nhãn hiệu PETRO VIETNAM GAS; nếu Công ty G1 không trả số lượng bình còn nợ nêu trên, thì phải trả cho Công ty K giá trị của vỏ bình còn nợ là 500.000đồng/bình 12 kg và 1.600.000 đồng/bình 45 kg, thành tiền là 53.981 vỏ bình 12 kg x 500.000 đồng = 26.990.500.000 đồng; 1.000 vỏ bình 45 kg x 1.600.000 đồng = 1.600.000.000 đồng. Tổng cộng: 26.990.500.000 đồng + 1.600.000.000 đồng = **28.590.500.000 đồng.** Ngoài ra, trước đây tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu tính lãi, sau khi trừ tiền ký quỹ, nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi. Về tiền ký quỹ 9.437.500.000 đồng, khi nào bị đơn trả xong nợ vỏ bình G thì nguyên đơn trả lại tiền ký quỹ 9.437.500.000 đồng cho bị đơn.

Bị đơn trình bày:

Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty G1 phải trả số lượng 53.981 vỏ bình 12 kg và 1.000 vỏ bình 45 kg xuất phát từ Hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng số 11/2019 ký kết ngày 01-4-2019 như nguyên đơn trình bày là không đúng. Nguyên đơn đang cố tình giấu thông tin cơ bản về mối quan hệ kinh doanh Gas giữa bị đơn với nguyên đơn liên quan đến số lượng vỏ bình và số tiền ký quỹ là 9.437.500.000 đồng theo Hợp đồng số 11 nêu trên và theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30-12-2021 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Thực tế, số lượng vỏ bình LPG nguyên đơn đang đòi trả, gồm 53.981 vỏ bình 12 kg, 1000 vỏ bình 45 kg và số tiền ký quỹ 9.437.500.000 đồng mà nguyên đơn đang giữ là số tài sản được tính tổng giá trị sau một khoảng thời gian rất dài hơn 20 năm quan hệ kinh doanh Gas giữa 02 Công ty (từ ngày 28-8-2001 đến ngày 31-3-2021) trên cơ sở các Hợp đồng thương mại kinh doanh khí hóa lỏng (trên dưới 10 Hợp đồng thương mại).

Cụ thể, nguyên đơn và Công ty G1 kinh doanh khí hóa lỏng LPG từ hơn 20 năm trước theo Hợp đồng đại lý tiêu thụ Khí hóa lỏng số 53/2001/XN1-GMT/B2 ký ngày 28-8-2001. Tiền thân của nguyên đơn trước đây là Xí nghiệp kinh doanh các sản phẩm Khí M (XN1), sau đó đổi tên pháp nhân là Công ty Cổ phần K - Chi nhánh M trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và phát triển doanh nghiệp tại nước ta. Những vỏ bình mà bị đơn nhận được từ nguyên đơn mang thương hiệu PETRO VIETNAM GAS là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước, mà lúc đó bên nguyên đơn đang được ủy nhiệm quản lý vỏ bình thay Nhà nước. Theo hợp đồng số 53 nêu trên, bị đơn muốn mượn vỏ bình phải đặt cọc cho bên nguyên đơn 200.000 đồng cho 01 vỏ bình 12 kg. Tại thời điểm này, bị đơn có tên là Công ty TNHH G1 (sau này mới chuyển đổi mô hình thành pháp nhân Công ty Cổ phần G1).

Kế tiếp Hợp đồng số 53, hai Công ty lại quan hệ kinh doanh bằng Hợp đồng mua bán, chiết nạp, đại lý tiêu thụ khí hóa lỏng số 85/2002/XN1-GASMTRUNG/D4 ký kết ngày 20-12-2002. Trong nội dung hợp đồng này có khá nhiều điều khoản có nội dung giống như những điều khoản của những hợp đồng sau này.

Tại Biên bản thanh lý đối với Hợp đồng số 85 (nêu trên) được 02 bên Công ty ký kết vào ngày 04-12-2002 đã xác nhận, tính đến ngày 31-8-2002, số vỏ bình mà bị đơn đang giữ (thực tế là khách hàng tiêu dùng cá nhân đang giữ, sử dụng Gas) của bên nguyên đơn là 18.280 vỏ bình 12 kg và vỏ bình 45 kg; bên nguyên đơn đang giữ tiền thế chân, đặt cọc của bị đơn là 3.312.000.000 đồng. Đặc biệt, căn cứ vào thỏa thuận tại Hợp đồng số 85, thì số vỏ bình mà khách hàng đang giữ chưa trả lại, thì bên nguyên đơn có trách nhiệm phải thu hồi. Bên bị đơn không có trách nhiệm thu hồi số lượng bình này, vì bị đơn không có quyền theo hợp đồng và theo pháp luật sở hữu trí tuệ liên quan đến thương hiệu hàng hóa, nhưng nguyên đơn đã không cung cấp cho Tòa án.

Tiếp tục, vào ngày 01-01-2008, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng mua bán khí đốt hóa lỏng số 11/2008/CNSG-MIENTRUNG/B2-A. Ngày 21-3-2009, hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng số 11 này. Trong biên bản thanh lý Hợp đồng số 11 đã xác nhận rõ nguyên đơn còn giữ của bị đơn số tiền đặt cọc là 9.437.500.000 đồng; đồng thời, bị đơn còn giữ của nguyên đơn 53.981 vỏ bình 12 kg và 1.000 vỏ bình 45 kg. Như vậy, nguồn gốc số nợ vỏ bình và tiền ký quỹ nguyên đơn giữ là đã có từ năm

2008, nhưng nguyên đơn không cung cấp cho Tòa án.

Mặt khác, theo quy định của pháp luật thì các vỏ bình là tài sản trong Công ty kinh doanh khí hóa lỏng buộc phải tính khấu hao chi phí từ 05 năm đến 10 năm bằng các nghiệp vụ kế toán theo luật định, mỗi vỏ bình đều có tên, lý lịch vỏ bình cụ thể. Bởi vậy, nếu vỏ bình nào đã khấu hao xong (qua 05 năm hay 10 năm theo quy định nghiệp vụ tài chính nội bộ của bên nguyên đơn), thì bên nguyên đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền đặt cọc, thế chân cho bị đơn tương ứng với số lượng vỏ bình đã khấu hao xong.

Vì vậy, bị đơn đề nghị nguyên đơn phải nộp cho Tòa án toàn bộ các Hợp đồng thương mại giữa hai bên liên quan đến kinh doanh Khí hóa lỏng LPG trong suốt hơn 20 năm qua. Cung cấp bổ sung cho Tòa án bản kê lý lịch toàn bộ các vỏ bình đã giao cho bị đơn (chỉ có chủ sở hữu vỏ bình là nguyên đơn lúc đó mới được quyền quản lý, nắm giữ); kê khai toàn bộ các vỏ bình (có lý lịch kèm theo) đã được khấu hao xong, sau khi đưa vào thị trường kinh doanh thời gian luật định (tối đa là 10 năm). Trên cơ sở các thông tin đó, bị đơn mới nắm rõ được quyền lợi và trách nhiệm của bị đơn liên quan đến việc đòi lại khoản tiền đặt cọc, ký quỹ tương ứng mà nguyên đơn đang giữ và số vỏ bình bị đơn phải thu hồi trả lại cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định của pháp luật để thu hồi vỏ bình thương hiệu PETROVIETNAM GAS thuộc sở hữu Nhà nước, thì cần phải được phép của chủ sở hữu vỏ bình. Hiện nay, bị đơn có nhận được Công văn số 10/KVNTB- KD ngày 01-8-2020 của Công ty Cổ phần K1 - Chi nhánh M1 về việc sử dụng bình LPG mang nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS, trong đó có nội dung "Không được thu gom vỏ bình". Vì vậy, nếu bị đơn tự ý thu hồi vỏ bình là sẽ vi phạm pháp luật, nên đề nghị Tòa án đưa Công ty Cổ phần K1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để thuận lợi cho việc thi hành án và đảm bảo quyền lợi cho Công ty Cổ phần K1.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 09-3-2023, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 3, 24, 55 và 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần K đối với Công ty Cổ phần G1 về việc "Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng".

1. Buộc Công ty Cổ phần G1 phải trả cho Công ty Cổ phần K 53.981 vỏ bình Gas loại 12 kg (trị giá là 26.990.500.000 đồng) nhãn hiệu PETRO VIETNAM và 1.000 vỏ bình Gas loại 45 kg (trị giá 1.600.000.000 đồng) nhãn hiệu PETRO VIETNAM GAS.

2. Khi Công ty Cổ phần G1 không trả được bằng vỏ bình Gas thì phải trả bằng tiền theo giá 500.000 đồng/01 vỏ bình loại 12 kg và 1.600.000 đồng/01 vỏ bình loại

45 kg (trị giá: 53.981 vỏ bình 12 kg x 500.000 đồng = 26.990.500.000 đồng và 1.000 vỏ bình 45 kg x 1.600.000 đồng = 1.600.000.000 đồng). Tổng giá trị là 28.590.500.000 đồng.

3. Sau khi Công ty Cổ phần G1 thực hiện xong nghĩa vụ trả vỏ bình Gas loại 12 kg, thì Công ty Cổ phần K có nghĩa vụ trả lại số tiền ký quỹ 9.437.500.000 đồng cho Công ty Cổ Phần G1.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của số tiền 19.153.000.000 đồng (mười chín tỷ một trăm năm mươi ba triệu đồng). Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 21-3-2023, bị đơn là Công ty Cổ phần G1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT ngày 22-8-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 3, 24, 55 và 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần K đối với Công ty Cổ phần G1 về việc "Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hỏa lỏng".

2. Buộc Công ty Cổ phần G1 phải trả cho Công ty Cổ phần K 53.981 vỏ bình Gas loại 12 kg, nhãn hiệu PETROVIETNAM và 1.000 vỏ bình Gas loại 45 kg, nhãn hiệu PETROVIETNAM-GAS.

3. Khi Công ty Cổ phần G1 không trả được bằng vỏ bình Gas, thì phải trả bằng tiền: 53.981 vỏ bình 12 kg, trị giá 26.990.500.000 đồng và 1.000 vỏ bình 45 kg, trị giá 1.600.000.000 đồng; tổng giá trị là 28.590.500.000 đồng, nhưng được trừ số tiền ký quỹ là 9.437.500.000 đăng. Công ty Cổ phần G1 còn phải trả số tiền 19.153.000.000 đồng (mười chín tỷ một trăm năm mươi ba triệu đồng) cho Công ty Cổ phần K.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và hiệu lực thi hành của bản án.

Tại Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VC2-KDTM ngày 08-12-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, huỷ một phần Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT ngày 22-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 09-3-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/QĐ-VC2-KDTM ngày 08-12-2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Ngày 01-4-2019, Công ty K với Công ty G1 ký kết Hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) số 11/2019/CNMTr-MIENTRUNG/B2-A. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty K cho rằng cuối năm 2020, Công ty G1 không tiếp tục lấy hàng của Công ty K, nên hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ; tổng số lượng bình Gas mà Công ty G1 còn nợ là 53.981 vỏ bình 12 kg và 1.000 vỏ bình 45 kg; tiền thế chân đối với vỏ bình 12 kg, Công ty K còn giữ của Công ty G1 là 9.437.500.000 đồng. Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty G1 trả 53.981 vỏ bình 12 kg và 1.000 vỏ bình 45 kg nhãn hiệu PETRO VIETNAM GAS, nếu không trả số lượng vỏ bình Gas còn nợ nêu trên, thì phải trả giá trị của vỏ bình còn nợ là 500.000 đồng/bình 12 kg và 1.600.000 đồng/bình 45 kg; thành tiền là 53.981 vỏ bình 12 kg x 500.000 đồng = 26.990.500.000 đồng; 1.000 vỏ bình 45 kg x 1.600.000 đồng = 1.600.000.000 đồng. Tổng cộng: 26.990.500.000 đồng + 1.600.000.000 đồng = 28.590.500.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về người tham gia tố tụng:

Theo nội dung tại Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu số 2120/HĐ-DKVN ngày 02-4-2015 được ký kết giữa Tập đoàn D với Công ty Cổ phần K (nguyên đơn), thì Tập đoàn D chỉ chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS, không chuyển quyền sở hữu cho Công ty K và thời hạn sử dụng nhãn hiệu là 05 năm. Tại Công văn số 253/DKVN-PC&KTr ngày 15-01-2020, Tập đoàn D đã thông báo cho Công ty K về việc chấm dứt Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS: *"PVN thông báo cho Công ty Cổ phần K biết rằng việc sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn D của Công ty Cổ phần K chấm dứt vào ngày 31-01-2020..."* và tại Quyết định số 6188/QĐ-DKVN ngày 17-02-2020, Tập đoàn D đã ủy quyền cho Tổng Công ty K2 (P) và Công ty Cổ phần K1 (PV GAS LPG) được quyền sử dụng nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS. Như vậy, sau ngày 31-01-2020, Công ty K không còn quyền sử dụng vỏ bình Gas mang nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Tổng Công ty K2 và Công ty Cổ phần K1 (là hai Công ty được ủy quyền sử dụng nhãn hiệu) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hai công ty này. Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được sai lầm này của Tòa án cấp sơ thẩm là thiếu sót.

[3]. Về tranh chấp hợp đồng:

[3.1]. Đối với vỏ bình Gas loại 45 kg:

Tại Điều 4.1.1 của Hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) số 11/2019/CNMTr-MIENTRUNG/B2-A ngày 01-4-2019, Công ty K và Công ty G1 thỏa thuận: *"... Nếu bên B làm mất bình 45 kg thì phải đền cho bên A 1.600.000 đồng/bình 45 kg"*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc buộc Công ty G1 phải trả cho C 1.000 vỏ bình Gas loại 45 kg nhãn hiệu PETRO VIETNAM GAS; đồng thời, xác định khi Công ty G1 không trả được bằng vỏ bình G thì phải trả bằng tiền, trị giá 1.000 vỏ bình Gas 45 kg là 1.600.000.000 đồng (1.600.000 đồng/1 bình) là có căn cứ.

[3.2]. Đối với vỏ bình Gas 12 kg:

Tại Điều 4.1.1 Hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) số 11/2019/CNMTr-MIENTRUNG/B2-A ngày 01-4-2019, Công ty K và Công ty G1 thỏa thuận: *"Bình 12 kg: Trước khi nhận bình, bên B đặt tiền ký quỹ vỏ bình. Giá trị tiền ký quỹ bình do bên A ấn định và thông báo cho bên B"* và tại Điều 4.1.3 của Hợp đồng, hai bên chỉ có thỏa thuận: *"... Bên B phải trả cho bên A toàn bộ số bình 45 kg đã mượn và hai bên có trách nhiệm thanh toán toàn bộ công nợ (nếu có), ngoại trừ tiền ký quỹ bình 12 kg..."*. Như vậy, các bên chỉ thỏa thuận thanh toán công nợ đối với vỏ bình Gas 45 kg và: *"... **Ngoại trừ tiền ký quỹ bình 12 kg**"*, nên Công ty G1 chỉ phải đền cho Công ty K trong trường hợp mất vỏ bình 45 kg với giá 1.600.000 đồng/1 bình, chứ không thỏa thuận Công ty G1 phải đền cho Công ty K trong trường hợp mất vỏ bình 12 kg, với giá trị là 500.000 đồng/bình.

Cũng tại Điều 4.1.3 của Hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) số 11/2019/CNMTr-MIENTRUNG/B2-A ngày 01-4-2019, hai bên thỏa thuận: *"Bên A chỉ phải trả lại tiền ký quỹ bình 12 kg theo giá trị còn lại quy định trong Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10-8-2010 khi bên B đã trả toàn bộ số lượng bình 12 kg đã mượn và cung cấp cho bên A đầy đủ các chứng từ mượn bình 12 kg (bản gốc), tương ứng trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày xác nhận công nợ giữa hai bên"*. Thỏa thuận này được hiểu, nếu Công ty G1 không trả toàn bộ số lượng bình Gas 12 kg đã mượn, thì Công ty K không trả lại tiền ký quỹ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa xem xét hoặc không đánh giá đúng nội dung thỏa thuận này, từ đó buộc Công ty G1: *"... Nếu không trả được 53.981 vỏ bình Gas 12 kg thì phải trả bằng tiền (trị giá: 53.981 vỏ bình 12 kg x 500.000 đồng = 26.990.500.000 đồng)"* là chưa đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty G1.

[3.3]. Đối với số tiền 9.437.500.000 đồng:

Tại Điều 4.1.1 Hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) số 11/2019/CNMTr-MIENTRUNG/B2-A ngày 01-4-2019, hai bên thỏa thuận: *"Bình 12 kg: Ttrước khi nhận bình, bên B đặt tiền **ký quỹ** vỏ bình. Giá trị tiền ký quỹ bình do bên A ấn định và thông báo cho bên B"*. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 21-3-2009 đối với Hợp đồng mua bán khí đốt hóa lỏng số 11/2008/CNSG-MIENTRUNG/B2-A ngày 01-01-2008, thì số tiền 9.437.500.000 đồng được xác định là **tiền đặt cọc** 53.981 vỏ bình Gas loại 12 kg. Tại Bảng đối chiếu công nợ vỏ bình ngày 31-12-2020, giữa Công ty K với Công ty G1, thì xác định là **tiền thế chân** 53.981 vỏ bình Gas loại 12 kg là 9.437.500.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không làm rõ số tiền trên là tiền đặt cọc, ký cược hay ký quỹ để giải quyết tranh chấp theo quy định của Bộ luật Dân sự, mà đã buộc Công ty G1 khi không trả được bằng vỏ bình Gas 12 kg thì phải trả bằng tiền đối với 53.981 vỏ bình 12 kg với giá 500.000 đồng/bình, thành tiền trị giá 26.990.500.000 đồng là áp dụng không đúng pháp luật dân sự khi giải quyết vụ án; dẫn đến số tiền tuyên buộc phải trả vượt quá số tiền 9.437.500.000 đồng là không đúng với thỏa thuận của hai bên khi ký kết Hợp đồng.

Tại Điều 7 Thông tư 118/2010/TT-BTC ngày 10-8-2010 của Bộ T2 quy định mức thu thống nhất tiền ký cược vỏ chai LPG đủ điều kiện để nạp LPG đưa vào lưu thông do chủ sở hữu vỏ chai quy định và tối đa không vượt quá 100% giá trị mua vỏ chai LPG của thời điểm gần nhất với thời điểm ký cược. Như vậy, thời điểm ký cược và thời điểm đối chiếu công nợ là khác nhau, nên cần phải xác định số tiền 9.437.500.000 đồng là tiền ký cược trong thời gian nào (năm 2009 hay năm 2020). Theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 21-3-2009 thì số tiền 9.437.500.000 đồng là tiền đặt cọc cho 53.981 vỏ bình Gas 12kg; số tiền và số vỏ bình này phù hợp với số tiền và số vỏ bình Gas 12 kg tại bảng Đối chiếu công nợ vỏ bình ngày 31-12-2020. Tòa án hai cấp chưa xác định đây là công nợ chuyển tiếp theo quy định tại Điều 13.6 của Hợp đồng hay là phát sinh mới sau khi ký Hợp đồng. Trong trường hợp xác định thời điểm ký cược vào năm 2009, thì giá trị ký cược là giá trị tại thời điểm năm 2009 theo quy định tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10-8-2010 của Bộ T2, chứ không phải thời điểm năm 2020.

Do Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm có vi phạm nghiêm trọng tố tụng khi không đưa Tổng Công ty K2 và Công ty Cổ phần K1 (hai Công ty được ủy quyền sử dụng nhãn hiệu) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đồng thời, đánh giá các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không khách quan, từ đó: *"Buộc Công ty Cổ phần G1 phải trả cho Công ty Cổ phần K 53.981 vỏ bình Gas loại 12 kg nhãn hiệu PETROVIETNAM..; khi Công ty Cổ phần G1 không trả được bằng vỏ bình G thì phải trả bằng tiền: 53.981 vỏ bình 12 kg, trị giá 26.990.500.000 đồng…"* là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ, nhưng để giải quyết triệt để vụ án, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm sẽ hủy toàn bộ vụ án để giải quyết lại.

[4]. Do hủy án để xét xử lại sơ thẩm lại, nên án phí kinh doanh thương mại được xử lý theo quy định tại Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343, Điều 345, Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/QĐ-VC2-KDTM ngày

08-12-2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Huỷ toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT ngày 22-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 09-3-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam để xét lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND thị xã Đ
(02 bản, kèm hồ sơ vụ án);
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND thị xã Đ;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự thị xã Đ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng GĐKT II (02 bản), HCTP, LTHS.

TM. ỦY BAN THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Cường